TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 261/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Châu.

2/ Ông Nguyễn Thành Thông

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 , về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1996
Địa chỉ: Đường Đ, phường A, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Tran Bao D, sinh năm 1993
Quốc tịch: Hoa Kỳ
Địa chỉ: 9400S Country Club Dr Oklahoma City, OK 73159, USA.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2019, và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N trình bày:

Bà và ông Tran Bao D tự nguyện kết hôn vào năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019.

Sau khi kết hôn bà và ông Tran Bao D không chung sống cùng nhau do ông Tran Bao D trở về Hoa Kỳ để làm việc. Sau khi về Hoa Kỳ ông D và bà vẫn liên lạc với nhau. Tuy nhiên, do thời gian khác biệt và do khoảng cách địa lý nên việc liên lạc ít dần. Trong thời gian liên lạc với nhau hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Tran Bao D ít quan tâm đến bà. Mặt khác, ông D không trở về Việt Nam thăm bà nên hai bên không có thời gian quan tâm, chăm sóc và cùng nhau giải quyết mâu thuẫn dẫn đến tình trạng mâu

thuẫn càng trầm trọng không hàn gắn được. Bà và ông Tran Bao D đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Hiện tại bà đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam còn ông Tran Bao D sinh sống và làm vệc tại Hoa Kỳ. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Tran Bao D, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tran Bao D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ N khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà Lê Thị Mỹ N khai không có.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Tran Bao D đề ngày 02/01/2020 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu – Xtơn, Hoa Kỳ chứng thực chữ ký ngày 09/01/2020 có nội dung như sau: Ông Và bà Lê Thị Mỹ N tự nguyện kết hôn vào năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019.

Sau khi kết hôn về quá trình sống chung và mâu thuẫn ông thống nhất như trình bày của bà Lê Thị Mỹ N. Ông và bà Lê Thị Mỹ N có nhiều bất đồng về quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông được biết bà Lê Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn với ông

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Mỹ N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N, bị đơn ông Tran Bao D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, bị đơn ông Tran Bao D đang cư trú tại Hoa Kỳ, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm :

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N, bị đơn ông Tran Bao D đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung :

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N, bị đơn ông Tran Bao D tự nguyện kết hôn vào năm năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống do ông Tran Bao D phải trở về Hoa Kỳ để làm việc. Do thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng giữa đôi bên. Đồng thời, quan điểm và suy nghĩ khác biệt nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, không thể hàn gắn tình cảm. Bà Lê Thị Mỹ N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân và có yêu cầu được ly hôn. Ý kiến của ông Tran Bao D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ N.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc bà Lê Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung : Bà Lê Thị Mỹ N và ông Tran Bao D đều khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung : Bà Lê Thị Mỹ N và ông Tran Bao D đều khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 ; Điều 53 ;khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 ;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N.

1/ Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ N được ly hôn với ông Tran Bao D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019 không còn giá trị pháp lý kể tự ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung : Không có

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Lê Thị Mỹ N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0024351 ngày 29/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N và bị đơn ông Tran Bao D; bà Lê Thị Mỹ N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Tran Bao D được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương